TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022/HS-ST
Ngày: 22/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ -TỈNH HÀ TĨNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Hoàn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Tình và Ông Lê Xuân Hường.
- Thư ký phiên toà: Ông Lê Danh Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng, Kiểm sát viên.

Hôm nay vào hồi 07 giờ 45 phút, ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở- Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2022/TLST-HS, ngày 11 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên **Nguyễn Quốc P**, sinh ngày 16/9/1987; Giới tính: Nam.
Tại xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.
Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1960.
Anh, chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con đầu trong gia đình.
Vợ: Võ Thị H, sinh năm 1987; Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Con: Chưa có.
*Tiền án, tiền sự: Không.
*Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 147/2011/HSST, ngày 23/5/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tuyên phạt bị cáo 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2011 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đã chấp hành xong hình phạt chính và các nội dung liên quan đến bản án. Hiện bị cáo đã được xóa án tích.
*Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 29/6/2021 cho đến nay. (*Có mặt tại phiên tòa*)

2. Họ và tên **Phạm Phương B**, sinh ngày 28/02/1993; Giới tính: Nam.
Tại xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do
Con ông Phạm Văn D, sinh năm 1965 và bà Dương Thị T, sinh năm 1970.
Anh, chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con đầu trong gia đình.
Vợ: Nguyễn Thị Hoài G, sinh năm 1992; Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Con: Có 01 con sinh năm 2021.
*Tiền án, tiền sự: Không.
*****Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 29/6/2021 cho đến nay. (*Có mặt tại phiên tòa*)
****Người bị hại***:
1. Anh Phan Xuân C, sinh năm 1996; Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: Khối phố Y, phường T, Tp. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
(*Anh C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt*)
2. Phạm Phương B, sinh năm 1993; Nghề nghiệp: Lao động tự do. (*Có mặt*)
Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.
(Là người bị hại đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản")
****Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***
1. Anh Trương Huy C, sinh năm 1982; nghề nghiệp: Lao động tự do. (*Có mặt*)
Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.
2. Nguyễn Quốc P, sinh năm 1987; nghề nghiệp: Lao động tự do (*Có mặt*)
Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.
(Là người có QL&NVLQ đối với tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự")
****Người làm chứng:***
1. Anh Nguyễn Phi H, sinh năm 1989. (*Có mặt*)
Nơi cư trú: Khối phố Y, phường T, Tp. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
2. Chị Trần Thị Trà M, sinh năm 1997. (*Vắng mặt*)
Nơi cư trú: Khối phố Y, phường T, Tp. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 28/10/2020, Nguyễn Quốc P đến gặp anh Trương Huy C ở thôn T, xã L, huyện T để ký hợp đồng thuê xe ô tô tự lái nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát 38A-282.67. Sau khi ký hợp đồng thuê xe anh Canh đưa cho P giấy chứng nhận kiểm định bản gốc, Giấy chứng nhận bảo hiểm bản gốc và một Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô bản phô tô công chứng mang tên Trương Huy C. Hai bên thống nhất thời gian thuê xe ghi trong hợp đồng tính từ ngày 28/10/2020 nhưng không ghi ngày trả xe và thống nhất khi nào trả sẽ điền ngày. Giá thỏa thuận thuê xe là 12.000.000 đồng/tháng. Sau khi thuê được xe, P dùng chiếc xe này để làm phương tiện đi lại.

Khoảng đầu tháng 11/2020 do cần tiền phục vụ nhu cầu cá nhân nên P đã nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 38A-282.67 mà mình đã thuê của anh Canh để mang đi cầm cắm xe nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Thông qua mạng Internet, P đã đặt làm giả một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 38A-282.67 mang tên chủ sở hữu là Nguyễn Quốc P với giá 2.000.000 đồng. Sau khi có được giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, P đã sử dụng giấy tờ này để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể:

Lần thứ nhất: Cuối tháng 11/2020, Nguyễn Quốc P gọi điện thoại cho Phan Xuân C ở khối phố Y, phường T, thành phố Hà Tĩnh nói là có chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios muốn cầm cắm vay tiền, anh C hỏi xe của ai thì P trả lời xe đó là của mình và P muốn cầm cắm vay 70.000.000 đồng nên anh C yêu cầu P đưa xe cùng giấy tờ đến kiểm tra. Nguyễn Quốc P mang xe cùng giấy chứng nhận đăng ký mang tên mình đến nhà anh C, anh C kiểm tra xe và Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên chủ sở hữu Nguyễn Quốc P thấy trùng khớp nên đã tin tưởng và đồng ý cho P vay. Anh C nói P viết giấy bán xe với giá 70.000.000 đồng (do Phan Xuân C sợ bị cơ quan chức năng xử lý khi không được phép hoạt động cầm cắm cho vay nên giấy bán xe này thực chất là giấy cầm cắm vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày) thì được P đồng ý. Phan Xuân C đưa cho Nguyễn Quốc P số tiền 70.000.000 đồng và giữ lại xe ô tô biển kiểm soát 38A-282.67 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Quốc P. Sau khi lấy được tiền từ anh C, P sử dụng vào mục đích cá nhân.

Lần thứ hai: Sau khi vay 70.000.000 đồng của Phan Xuân C do đến hẹn trả nhưng không có khả năng nên P lại tiếp tục cầm cắm xe ô tô biển kiểm soát 38A-282.67 cho Phạm Phương B, trú tại thôn V, xã L, huyện T để vay tiền B với mục đích trả cho anh C. Ngày 06/12/2020, P gọi điện cho B nói muốn vay số tiền 100.000.000 đồng dưới hình thức cầm cắm xe ô tô biển kiểm soát 38A-282.67. Nghe P nói vậy nên B hỏi xe của ai thì P nói chiếc xe này là xe của P nên B đã tin tưởng và đồng ý cho P vay tiền. Đến sáng ngày 07/12/2020, P gặp B tại quán cà phê Bé Trang, ở phường T, thành phố Hà Tĩnh. Tại đây, B chuyển khoản cho P 100.000.000 đồng. Tiếp đó, P gọi điện nói Phan Xuân C đưa xe ô tô đến quán cà phê, khi C điều khiển xe ô tô đến thì P chuyển khoản trả cho C 100.000.000 đồng (trong đó có 70.000.000 đồng tiền vay, 2.100.000 đồng tiền lãi và phần còn lại là tiền trước đó P đã vay C nhưng không tính tiền lãi). Sau khi nhận được tiền, C đã trả lại cho P xe ô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký.

Lần thứ ba: Sau khi lấy được 100.000.000 đồng từ Phạm Phương B, P điều khiển xe ô tô chở B đến nhà anh C để nhận lại giấy vay tiền do C đang giữ. Trên đường đi, P có hỏi vay thêm của B 70.000.000 đồng và nói tính gộp vào việc cầm cắm xe ô tô biển kiểm soát 38A-282.67. Do tin tưởng nên B đã đồng ý và cả hai cùng nhau đi rút tiền sau đó đến nhà Phan Xuân C. Tại đây, P lấy giấy bán xe và nhận lại các loại giấy tờ đã giao cho C trước đó. P cầm Chứng minh nhân dân cùng giấy chứng nhận đăng ký mang tên P để viết giấy vay tiền của B, B thấy các thông tin trùng khớp và nghĩ xe này là của P nên đã nói P viết giấy bán xe với nội dung

Nguyễn Quốc P bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 38A-282.67 cho Phạm Phương B với giá 170.000.000 đồng. Giữa hai người thống nhất với nhau giấy bán xe này thực chất là giấy cầm cắm vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Do Phạm Phương B không được phép kinh doanh cầm đồ nên đã yêu cầu P viết giấy bán xe để trốn tránh việc bị cơ quan chức năng phát hiện, xử lý. Sau khi viết giấy xong, P giao xe cùng giấy chứng nhận đăng ký mang tên Nguyễn Quốc P cho B và B đã đưa cho P số tiền 70.000.000 đồng. Số tiền này P sử dụng và mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ tư: Do đã cầm cắm chiếc xe ô tô biển kiểm soát 38A-282.67 cho Phạm Phương B với số tiền 170.000.000 đồng nhưng thực chất là việc vay tiền có lãi suất nên đến ngày 10/12/2020, P tiếp tục gọi điện thoại cho B để hỏi vay thêm số tiền 30.000.000 đồng. Do B đang sử dụng xe ô tô cùng các giấy tờ của P nên B đồng ý cho P vay thêm 30.000.000 đồng, số tiền này được B chuyển khoản cho P. Sau khi nhận được số tiền này từ B, P sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Lần thứ năm: Với số tiền vay của Phạm Phương B đến thời điểm này là 200.000.000 đồng nhưng P vẫn cần tiền để phục vụ mục đích cá nhân nên đến ngày 01/01/2021, P tiếp tục gọi điện để vay thêm của B số tiền 10.000.000 đồng nữa. Khi nghe P đặt vấn đề cần vay thêm 10.000.000 đồng nữa thì do việc vay tiền giữa P với mình có lãi suất nên B đồng ý và đã chuyển khoản cho P. Số tiền này P sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Như vậy, với việc sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, Nguyễn Quốc P đã thực hiện hành vi gian dối để tạo lòng tin bằng cách dùng giấy tờ giả cùng xe ô tô để chiếm đoạt tài sản của Phan Xuân C 01 lần với số tiền 70.000.000 đồng và 04 lần của Phạm Phương B với số tiền 210.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Quốc P chiếm đoạt từ các bị hại là 280.000.000 đồng.

Đối với Phạm Phương B sau khi nhận xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios biển kiểm soát 38A-282.67 từ Nguyễn Quốc P và cho P vay số tiền 210.000.000 đồng. Giữa hai người thống nhất với nhau là P viết giấy bán xe cho B nhưng thực chất đây là giấy cầm cắm vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Do Phạm Phương B không mở dịch vụ kinh doanh cầm đồ nên không được phép kinh doanh cầm đồ, vì vậy B đã yêu cầu P viết giấy bán xe để trốn tránh việc bị cơ quan chức năng phát hiện, xử lý. Thời hạn tính lãi của tổng số tiền đã vay 210.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 07/12/2020 với số tiền lãi là 18.000.000 đồng/tháng.

Ngày 05/3/2021, Nguyễn Quốc P gặp và trả cho Phạm Phương B tiền lãi các tháng 01, 02, 03 của năm 2021 với tổng số tiền là 52.000.000 đồng tại nhà anh Nguyễn Phi H trú tại khối phố Y, phường T, thành phố Hà Tĩnh. Do số tiền lãi này không đúng như thỏa thuận ban đầu là 18.000.000đồng/tháng nên B đã yêu cầu P trả thêm 1.000.000 đồng tiền lãi các tháng 01, 02, 03 của năm 2021. Cùng ngày, do chưa gặp được B nên P đưa 1.000.000 đồng đến nhà nhờ Phan Xuân C đưa cho B, do anh C không ở nhà nên P đưa số tiền này nhờ vợ anh C là chị Trần Thị Trà M cầm hộ. Sau đó, chị Trà My đã đưa 1.000.000 đồng cho Phạm Phương B.

Đến ngày 06/4/2021, theo yêu cầu tăng tiền lãi của B nên P tiếp tục trả tiền lãi tháng 4/2021 cho B với số tiền là 20.000.000 đồng bằng hình thức chuyển

khoản. Đến tháng 5/2021 do P không trả tiền lãi như thỏa thuận nên B đã làm đơn tố cáo Nguyễn Quốc P có hành vi sử dụng giấy đăng ký xe ô tô giả để lừa đảo chiếm đoạt tiền của mình đến Cơ quan điều tra Công an huyện T. Ngày 21/5/2021, Nguyễn Quốc P biết Phạm Phương B viết đơn tố cáo mình nên đã gặp và trả cho B số tiền gốc 50.000.000 đồng với mục đích nhờ B rút đơn tố cáo.

Phạm Phương B sau khi cho Nguyễn Quốc P vay số tiền 210.000.000 đồng, B đã tính và lấy tiền lãi của Nguyễn Quốc P từ ngày 07/12/2020 đến 07/4/2021 (122 ngày) là 73.000.000 đồng. Như vậy, thực tế tiền lãi P đã trả lãi cho B là 2.849 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương với 0,2849%/ngày = 85,4%/tháng =103,98%/năm. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 10 Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về cho vay tiêu dùng của Công ty tài chính thì *"Lãi suất cho vay tiêu dùng theo thỏa thuận và mức lãi suất cho vay tiêu dùng quy đổi theo tỷ lệ %/năm (một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày)*". Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, mức lãi suất cho vay tối đa trong giao dịch dân sự là *"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay..."*. Như vậy thì mức tiền lãi cao nhất P phải trả cho B là 210.000.000 đồng x (20%/365 ngày) x 122 ngày = 14.038.356 đồng. Tuy nhiên, tiền lãi B đã thu của P là 73.000.000 đồng trong 122 ngày (tính từ ngày 07/12/2020 đến 07/4/2021), Phạm Phương B đã thu lợi bất chính 58.961.644 đồng

Qúa trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện T thu giữ: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 039542 mang tên Nguyễn Quốc P; 01 Giấy bán xe do Nguyễn Quốc P viết ngày 07/12/2020; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 039542 mang tên Trương Huy C.

Ngày 21/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định Trưng cầu giám định số 67 và 68/CSĐT đến Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh để giám định giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 38A- 282.67 mang tên Nguyễn Quốc P. Đồng thời giám định chữ viết, chữ ký tại giấy bán xe do Nguyễn Quốc P viết ngày 07/12/2020. Tại Bản kết luận giám định số 23/PC09-TL, ngày 24/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 039542, đứng tên chủ xe Nguyễn Quốc P, đề ngày 01/6/2020 (ký hiệu A1) là giả.

- Chữ viết, chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Quốc P trên các mẫu so sánh M2, M3 là do cùng một người viết và ký ra là Nguyễn Quốc P.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 039542, mang tên Nguyễn Quốc P; 01 Giấy bán xe do Nguyễn Quốc P viết ngày 07/12/2020; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 039542 mang tên Trương Huy C.

Đến ngày 24/7/2021, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho anh Trương Huy C 01 giấy

chứng nhận đăng ký xe ô tô số 039542 mang tên Trương Huy C. Các vật chứng còn lại được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 của bị cáo Nguyễn Quốc P. Đây là chiếc điện thoại mà bị cáo P dùng để đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thông qua tài khoản Facebook "Nguyễn P" và cũng là điện thoại bị cáo dùng liên lạc hỏi vay tiền của anh Phan Xuân C và Phạm Phương B. Chiếc điện thoại này theo P trình bày là đã bị hỏng và bị cáo đã vứt đi nên Cơ quan điều tra Công an huyện T không thu giữ được. Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu đen mà bị cáo Phạm Phương B sử dụng để liên lạc và chuyển tiền cho bị cáo P vay quá trình sử dụng đã bị hư hỏng nên B cũng không nhớ là để ở đâu nên Cơ quan điều tra Công an huyện T không thu giữ được. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh mà Phan Xuân C sử dụng để liên lạc cho bị cáo P vay tiền, anh C trình bày trong quá trình sử dụng đã bị rơi mất nên cơ quan điều tra Công an huyện T cũng không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 70.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Quốc P chiếm đoạt của Phan Xuân C thì sau đó P đã trả lại cho anh Phan Xuân C, anh C không có yêu cầu gì thêm. Đối với số tiền chiếm đoạt của Phạm Phương B, đến nay Nguyễn Quốc P đã trả được 50.000.000 đồng, anh B yêu cầu P tiếp tục trả số tiền còn lại là 160.000.000 đồng cho mình.

Bản cáo trạng số 05/CT-VKS-TH, ngày 10/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc P về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 174 và điểm b, khoản 3 Điều 341 BLHS; Bị cáo Phạm Phương B về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố, đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân các bị cáo và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 3, Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc P mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc P mức án từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức". Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt từ 10 năm 09 tháng đến 11 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Phương B mức phạt từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS buộc Nguyễn Quốc P nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 160.000.000 đồng (tiền gốc còn thiếu của B); buộc Phạm Phương B nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 64.038.356 đồng (50.000.000 đồng công cụ phạm tội P đã trả lại và 14.038.356 đồng tiền do phạm

tội mà có). Áp dụng khoản 3 Điều 106 BLTTHS, buộc bị cáo Phạm Phương B hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Quốc P số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 58.961.644 đồng.

Về xử lý vật chứng: Các vật chứng chưa xử lý là tài liệu được đánh số bút lục theo hồ sơ vụ án nên đề nghị lưu theo hồ sơ vụ án.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Quốc P và Phạm Phương B không có ý kiến gì tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên và thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát là đúng.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trương Huy C hoàn toàn đồng tình với quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến gì tranh luận thêm.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về mức hình phạt đối với từng bị cáo trong vụ án là tương đối phù hợp nên cần chấp nhận.

Bị cáo Nguyễn Quốc P nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi mà mình thực hiện là sai trái, vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Phương B nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bởi hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay khó khăn con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay các bị cáo khai nhận: Vào ngày 28/10/2020 Nguyễn Quốc P đã ký hợp đồng thuê xe tự lái với anh Trương Huy C ở thôn T, xã L, huyện T để thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát 38A-282.67 làm phương tiện đi lại. Sau khi thuê xe P đã lên mạng Internet đặt làm giả một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 38A-282.67 mang tên Nguyễn Quốc P. Tiếp đó, P đã sử dụng giấy tờ giả cùng xe ô tô đã thuê trước đó để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức cầm cố xe ô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, viết giấy bán xe nhằm mục đích tạo lòng tin để chiếm đoạt của anh Phan Xuân C số tiền 70.000.000 đồng và Phạm Phương B số tiền 210.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà bị cáo Nguyễn Quốc P đã chiếm đoạt của 02 người bị hại là 280.000.000đ.

Còn Phạm Phương B sau khi cho Nguyễn Quốc P vay số tiền 210.000.000 đồng, thì B đã tính và lấy tiền lãi của Nguyễn Quốc P từ ngày 07/12/2020 đến 07/4/2021(122 ngày) với mức lãi suất gấp 5,2 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 58.961.644 đồng. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Các bị cáo Nguyễn Quốc P và Phạm Phương B là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, sử dụng giấy tờ giả và cho vay lãi nặng là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Chính vì vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc P đủ yếu tố cấu thành các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS; Hành vi của bị cáo Phạm Phương B đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS. Điều đó, khẳng định quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3]. Xem xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy rằng hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội. Đối với bị cáo P với thủ đoạn đi thuê xe ô tô tự lái sau đó lên mạng Internet thuê người làm giả giấy đăng ký mang tên mình rồi dùng xe ô tô cùng giấy tờ giả để cầm cắm, viết giấy bán xe nhằm mục đích tạo niềm tin để chiếm đoạt tài sản, bằng cách vay tiền của người sau đem trả cho người trước, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người bị hại. Hành vi của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại về mặt vật chất cho bị hại, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Không những vậy, hành vi sử dụng giấy tờ giả của bị cáo còn xâm phạm trực tiếp đến hoạt động B thường đúng đắn của các cơ quan nhà nước, làm giảm hiệu quả và hiệu lực quản lý hành chính nhà nước, đồng thời xâm phạm tình trạng ổn định trong sinh hoạt chung của xã hội.

Chính vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử phạt thật nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét hành vi của bị cáo Phạm Phương B, Hội đồng xét xử xét thấy rằng hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, gây tâm lý hoang mang, lo sợ của người được bị cáo cho vay với lãi suất cao khi đến hạn không trả được nợ, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn, gây bất B trong quần chúng nhân dân. Hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện nhằm thu lợi bất chính, do vậy cần xử phạt bị cáo thật nghiêm mới có tác dụng răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân đối với bị cáo, xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, xét việc cho vay là do người vay tự nguyện xác lập giao dịch vay tiền và trả nợ, vì vậy đối với bị cáo Phạm Phương B áp dụng hình phạt tiền là phù hợp.

[4].Về xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Quốc P có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 đối với cả 2 tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, bị cáo P có tình tiết giảm nhẹ là đã tự nguyện bồi thường thiệt hại đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", người bị hại trong vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P; bị cáo B có tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5].Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế hiện tại của bị cáo Nguyễn Quốc P không có nghề nghiệp ổn định, không xác định được tài sản của bị cáo nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung theo quy định của pháp luật. Bị cáo Phạm Phương B đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền là phù hợp.

[6].Về trách nhiệm dân sự: Qúa trình điều tra chứng minh được số tiền mà bị cáo Nguyễn Quốc P đã chiếm đoạt của anh Phan Xuân C là 70.000.000 đồng và Phạm Phương B là 210.000.000 đồng, tổng là 280.000.000 đồng. Số tiền 70.000.000 đồng mà bị cáo P chiếm đoạt của anh C đến nay bị cáo đã trả lại nên anh C không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

Đối với số tiền 210.000.000 đồng mà bị cáo P chiếm đoạt của Phạm Phương B thì đến nay bị cáo P mới chỉ bồi thường được 50.000.000đ, còn lại 160.000.000đ chưa bồi thường. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo B tiếp tục yêu cầu bị cáo P phải bồi thường tiếp số tiền còn lại, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy rằng đối với số tiền gốc mà bị cáo P chiếm đoạt của bị cáo B trong tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" lại là công cụ phương tiện phạm tội trong tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" vì thế đối với số tiền gốc mà bị cáo P còn nợ bị cáo B thì không phải trả lại mà buộc bị cáo P phải nộp ngân sách nhà nước là phù hợp quy định của pháp luật.

[7].Về áp dụng biện pháp tư pháp: Trong quá trình bị cáo Phạm Phương B cho bị cáo Nguyễn Quốc P vay tiền từ ngày (07/12/2020 đến ngày 07/4/2021) thì bị cáo B đã thu của bị cáo P tổng cộng 73.000.000 đồng tiền lãi. Trong đó, khoản tiền lãi 58.961.644 đồng tương ứng với mức lãi suất vượt quá 20%/năm là khoản tiền thu lời bất chính nên buộc bị cáo B có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho bị cáo Nguyễn Quốc P; còn số tiền 14.038.356 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/ năm phát sinh từ việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền 210.000.000 đồng (tiền gốc) mà bị cáo B cho bị cáo P vay, xác định là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Hiện nay bị cáo P đã trả lại cho bị cáo B 50.000.000 đồng nên buộc bị cáo B phải nộp lại số tiền này vào ngân sách nhà nước; buộc bị cáo Nguyễn Quốc P phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 160.000.000 đồng (tiền gốc mà bị cáo P còn nợ bị cáo B).

[8].Về xử lý vật chứng: Qúa trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện T đã trả lại cho anh Trương Huy C 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 039542 mang tên Trương Huy C, xét thấy việc trả lại vật chứng này của cơ quan điều tra cho chủ sở hữu hợp pháp là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay anh Trương Huy C không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

Đối với các vật chứng còn lại gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 039542 mang tên Nguyễn Quốc P (giấy giả) và 01 giấy bán xe do Nguyễn Quốc P viết ngày 07/12/2020 là các tài liệu, chứng cứ nên được bảo quản lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

[9]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Quốc P và Phạm Phương B phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Liên quan trong vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự có Phan Xuân C là người đã cho Nguyễn Quốc P vay số tiền 70.000.000 đồng trong thời gian 10 ngày và thu 2.100.000 đồng tiền lãi. Hành vi này vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 Điều 11 - Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình. Theo đó, quy định phạt tiền đối với hành vi "Cho vay tiền có cầm cố tài sản, nhưng lãi suất cho vay vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cho vay".

Ngày 28/7/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã có Công văn số 606/CSĐT đề nghị Ngân hàng Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh cung cấp thông tin về lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm từ ngày 01/11/2020 đến ngày 30/11/2020. Tuy nhiên, tại Công văn số 625/NHNN-HIT4 ngày 30/7/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh trả lời với nội dung: "Từ năm 2011 đến nay, Ngân hàng nhà nước không thực hiện việc thông báo mức lãi suất cơ bản hàng tháng nữa". Do vậy, không đủ căn cứ để xử lý hành vi của Phan Xuân C.

Đối với người được bị cáo P thuê làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 38A-282.67 và người giao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1].*Về hình phạt* : Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Quốc P** phạm các tội "***Lừa đảo chiếm đoạt tài sản***" và tội "***Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức***"; Bị cáo **Phạm Phương B** phạm tội "***Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự***"

- Căn cứ vào điểm a, khoản 3 Điều 174; điểm g, khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc P 07 (*Bảy*) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ vào điểm b, khoản 3 Điều 341; Điểm g, khoản 1 Điều 52; Điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc P 03 (*Ba*) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

- Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự về tổng hợp hình phạt trong khi xét xử một lần một người phạm nhiều tội: Buộc bị cáo **Nguyễn Quốc P** phải chấp hành **10** (*Mười*) năm tù về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo **Phạm Phương B 90.000.000đ** (*Chín mươi triệu đồng*)

[2].Về áp dụng biện pháp tư pháp:

*Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Buộc bị cáo Nguyễn Quốc P nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) (chưa thu).

- Buộc bị cáo Phạm Phương B nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 50.000.000 đồng (tiền gốc mà bị cáo P đã trả cho B) và 14.038.356 đồng tiền thu lợi bất chính. Tổng cộng là 64.038.000 đồng (*Sáu mươi tư triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng*) số tiền này đã làm tròn (chưa thu).

*Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS; khoản 3 Điều 106 BLTTHS: Buộc bị cáo Phạm Phương B hoàn trả cho Nguyễn Quốc P, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 58.961.000 đồng (*Năm mươi tám triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn đồng*) (đã làm tròn)

[3]. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử buộc các bị cáo Nguyễn Quốc P và Phạm Phương B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. *Về quyền kháng cáo bản án*: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Văn phòng Tòa án (Để công bố CTTĐT)
- Lưu HSVA+VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Hoàn